# CHÍNH SÁCH BẢO VỆ VÙNG BIỂN ĐÔNG BẮC VIỆT NAM CỦA VUA GIA LONG VÀ VUA MINH MẠNG (1802 - 1840)

**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI** [*]
**NGUYỄN KỲ NAM** [**]

***Tóm tắt:*** Bài viết đề cập đến chính sách bảo vệ chủ quyền Biển Đông ở vùng Đông Bắc Việt Nam của vua Gia Long và vua Minh Mạng (1802 - 1840); chính sách đó bao gồm: chú trọng xây dựng lực lượng thủy quân; phát triển hệ thống tàu đi biển; tuần tra trên biển; phòng chống hải tặc ở vùng biển Đông Bắc. Các chính sách này nhằm giữ vững chủ quyền, an ninh trên biển Đông Bắc của Tổ quốc(1).

***Từ khóa:*** Vùng biển Đông Bắc; Việt Nam; vua Gia Long; vua Minh Mạng; triều Nguyễn; chính sách.

## 1. Chú trọng xây dựng lực lượng thủy quân

Dưới thời vua Gia Long và vua Minh Mạng, quân đội được biên chế thành 4 binh chủng chính: bộ binh, thủy binh, pháo binh và tượng binh. Trong đó, bộ binh và thủy binh được chú trọng xây dựng để tác chiến độc lập. Các vua triều Nguyễn đã dồn tất cả tâm sức và tài vật để xây dựng bộ binh và thủy binh trở thành hai binh chủng mạnh nhất.

Khi mới lên ngôi, năm 1803 vua Gia Long đã sai: "Đóng các thuyền hải đảo, thủ quyển, sam bản(2), sai Công bộ Trần Văn Thái trông coi công việc"(3). Thủy binh đã được trang bị thuyền lớn bọc đồng, 100 chiến thuyền lớn có máy bắn đá và đại bác, 200 chiến thuyền nhỏ trang bị từ 16 đến 20 đại bác, 500 thuyền nhỏ hơn có máy bắn đá và 1 đại bác. Quân lính mặc đồng phục bằng nỉ dạ mua của Anh và phương Tây(4). Thời vua Minh Mạng, thủy binh có 15 vệ chia làm ba doanh. Tổng chỉ huy thủy binh là Thủy sư đô thống. Doanh thì do đô thống và vệ thì do chưởng vệ chỉ huy. Trên 4 binh chủng có 4 quan đô thống chỉ huy: tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân. Đứng đầu 4 đô thống là Đô thống trung quân.

Đầu thế kỷ XIX, thủy quân nhà Nguyễn được trang bị nhiều thuyền chiến có khả năng hoạt động trên biển. Vua ra lệnh tuyển mộ các cư dân sống gần biển về doanh Quảng Đức và doanh

---

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
(**) Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội.
(1) Vùng biển Đông Bắc Việt Nam thời Nguyễn về cơ bản gồm vùng biển tỉnh Quảng Ninh và một phần của tỉnh Hải Phòng.
(2) Thuyền đi biển, thuyền đầu cong, thuyền ván sam.
(3) (2007), *Đại Nam thực lục*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.563.
(4) Đỗ Văn Ninh (1993), "Quân đội nhà Nguyễn", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch* sử, số 6, tr.45.

Quảng Nam lập thành 6 vệ thủy quân đóng tại kinh thành. Còn ở các cửa biển đều có một cơ lính thủy và đặt súng để phòng thủ và trông giữ việc đi lại của tàu nước ngoài. Năm 1816, thủy quân của vua Gia Long đã kiểm soát toàn bộ vùng biển Việt Nam, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa(5).

Việc diễn tập thủy quân diễn ra thường xuyên dưới triều vua Gia Long. Tháng 3 năm 1802, "vua ngự gác rồng để xem hình thế núi sông kinh thành, rồi đến cửa Eo duyệt chiến thuyền; diễn thủy quân ở các cửa biển Tư Dung và Đại Chiêm"(6).

Năm sau (1803), "mùa Xuân, tháng Giêng, mồng 1, ngày Kỷ Tỵ, vua sai thủy quân thao diễn phép chèo thuyền (phép diễn, đặt đồ bơi chèo ở trên cạn, chọn người chèo giỏi vài trăm người, khiến diễn tập y như dáng đi thuyền. Buổi quốc sơ trong việc dụng binh thủy chiến rất giỏi, cho nên đầu mùa xuân thường sai diễn tập). Vua ngự xem, thưởng tiền cho các quân, mỗi thuyền đều 80 quan"(7).

Vài ngày sau, vua lại cho duyệt binh. "Bộ binh, thủy binh, tượng binh, mã binh đều theo hướng mà bày đàn. Vua mặc áo trận, đeo gươm, ban phát hiệu lệnh. Bắt đầu duyệt bộ binh. Đội trung hầu bắn súng lớn và các quân bắn súng tay, tất cả đều bắn 3 tiếng. Thứ đến duyệt thủy binh. Đội trung hầu bắn súng lớn 3 tiếng. Thủy binh khai thuyền đua chèo. Rồi kế đến quân voi ngựa cũng ra như thế. Từ đó cứ đầu năm thì duyệt binh, thành lệ mãi mãi"(8). Điều này đã thể hiện sự quan tâm của nhà vua đối với việc huấn luyện quân đội nói chung, thủy quân nói riêng.

Đến năm 1840, dưới triều Minh Mạng, lần đầu tiên cuộc tập trận có mục tiêu giả định được tiến hành. Theo chính sử nhà Nguyễn thì vua đã định phép thao diễn thủy sư như một cuộc tập bắn trên biển(9). Đời vua trước, thủy quân thao diễn, luyện tập thường là phép dàn trận, tấn công, tiến, lui…

Đồng thời với việc luyện tập thủy quân, tổ chức quân đội cho các quân thủy, quân bộ cũng được vua Gia Long chú trọng ngay từ đầu. Năm 1806 Vua cho định ngạch biền binh cho các quân thủy, bộ trong ngoài(10).

Vua Gia Long còn lệnh cho Bộ Công tổ chức biên soạn cuốn *Duyên Hải lục*, ghi chép độ sâu của thủy triều ven biển và cây số đường biển. "Phía Nam đến Hà Tiên, phía Bắc đến Yên Quảng, phàm các cửa biển mực nước khi triều lên triều xuống sâu nông thế nào, dặm đường xa gần bao nhiêu, đều chép cả (làm 2 quyển, hợp 4 dinh 15 trấn, cửa biển 143 chỗ, lấy 540 trượng là một dặm, thành số hơn 5.902 dặm)"(11).

Vua Minh Mạng cho rằng binh có thể không sử dụng trong trăm năm, nhưng không thể không chuẩn bị trong một ngày. Tháng 4 năm 1834, Vua dụ rằng:

---

(5) Hoạt động của thủy quân Gia Long và các vua triều Nguyễn liên tục sau đó là chứng cứ quan trọng xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

(6) (2007), *sđd*, t.1, tr.479.

(7), (8) *Sđd*, t.2, tr.541.

(9) (1963), *Đại Nam thực lục*, t.4, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, tr.324.

(10) (2007), *Đại Nam thực lục,* t.4, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.140.

(11) (1963), *Đại Nam thực lục*, *sđd*, t.4, tr.324.

"Binh lính là để giữ nước. Lúc vô sự, phải cho tập luyện thành thuộc để phòng lúc hữu sự"[12].

**2. Phát triển hệ thống tàu thuyền đi biển**

Tàu, thuyền là một trong những phương tiện giao thông quan trọng không thể thiếu trong vận tải và quốc phòng trên biển. Vua Gia Long và vua Minh Mạng rất quan tâm tới việc đóng các loại tàu thuyền[13].

Vua Gia Long không chỉ tiếp tục cho duy trì các xưởng đóng tàu thuyền cỡ lớn ở Gia Định, mà còn cho mở các công xưởng đóng thuyền mới ở kinh đô Huế với lý do: "Trong nước tuy đã yên ổn, nhưng không thể quên được việc chiến tranh. Quân ta rất giỏi thủy chiến mà số thuyền ghe hiện không có mấy, nên đã đóng sẵn trước để phòng khi dùng đến. Bèn sai Gia Định lấy gỗ nộp về Kinh, hạ lệnh cho các quan theo mẫu mà đóng"[14]. Tổng cộng ở Kinh đô có đến 255 sở đóng sửa, đậu thuyền các loại, trừ các hạng thuyền lớn bọc đồng hiệu đại, trung đậu ở dưới nước nên tùy tiện che đậy và các hạng thuyền nhỏ cũng cần để phụ không có xưởng"[15]. Ngay từ năm 1802, khi mới lên ngôi, vua đã sai đóng các thuyền hải đảo, thủ quyển, sam bản[16], sai Công bộ Trần Văn Thái trông coi công việc[17].

Ở các địa phương ven biển đều có các xưởng đóng thuyền do Nhà nước tổ chức, đảm trách việc đóng thuyền để phục vụ cho nhu cầu của quan dân ở các địa phương đó và sẵn sàng đóng tàu thuyền khi triều đình có nhu cầu.

Để xây dựng thủy quân hùng mạnh, phát triển hàng hải bảo đảm vận tải đường biển và bảo vệ vùng biển của đất nước, vua Minh Mạng đặc biệt chú trọng đến việc đóng tàu các loại và nâng cao kỹ thuật hàng hải. Trong nhận thức của ông, sự phát triển của thủy quân trước hết phải nhờ vào những con tàu đắc lực, thứ đó phải có những thủy thủ quen thuộc kỹ thuật. Ông từng dụ cho Bộ Công rằng việc lớn của thủy quân là tàu thuyền, trong đó việc chỉ hướng, trắc thủy và đo giờ là những nhân tố đặc biệt quan trọng cho việc hàng hải. Người hàng hải phải thuộc hải trình, cho nên vua Gia Long yêu cầu Bộ Công biên tập cuốn *Hải trình tập nghiệm sách* trên cơ sở tra tập các sách (nội dung cuốn sách bao gồm 4 mục là: "Tóm tắt về mưa gió", "Những điều kiêng kỵ khi chạy tàu

---

[12] (2007), *Đại Nam thực lục, sđd,* t.4, tr.140.

[13] Trên Cửu đỉnh đặt trước Thế Tổ Miếu trong Hoàng Thành Huế có đóng nổi hình của 7 loại tàu thuyền thời Nguyễn. Đó là: Đa tác thuyền (3 cột buồm và có nhiều dây, ở trên Cao đỉnh), Lâu thuyền (tính từ hầm thuyền lên có 2 tầng lầu, ở Nhân đỉnh), Mông đồng thuyền (thuyền chiến có 8 cặp chèo, ở Chương đỉnh), Hải đạo thuyền (thuyền chuyển vận đường biển có 7 cặp chèo, ở Nghị đỉnh), Đỉnh thuyền (thuyền đua hẹp ngang và dài, có 9 cặp chèo, ở Thuần đỉnh), Lê thuyền (ghe lê có 6 cặp chèo, ở Tuyên đỉnh) và Ô thuyền (ghe ô có 2 buồm, ở Dụ đỉnh). Có lẽ 7 loại tàu thuyền này được coi là những thành tựu rất lớn của ngành đóng thuyền dưới triều vua Gia Long và vua Minh Mạng nên mới được chọn đúc trên Cửu đỉnh.

[14] Nguyễn Văn Đăng (2004), "Ngành đóng thuyền ở Huế thời Nguyễn", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, tr.22.

[15] Viện Sử học (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, t.13, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.420 - 421.

[16] Thuyền đi biển, thuyền đầu cong, thuyền ván sam.

[17] (1963), *Đại Nam thực lục*, *sđd*, t.1, tr.563.

thuyền", "Những điều kiêng kỵ khi đóng tàu thuyền" và "Tập nghiệm những việc đã qua") vẽ bản đồ của biển trong vùng hải phận của mình rồi phát cho thủy quân và những người có liên quan học tập. Cho rằng, việc hàng hải lấy thủy thủ làm then chốt, cho nên ông cũng yêu cầu tăng cường đào tạo và khảo hạch các thủy thủ và cho Bộ Công biên soạn cuốn *Thủy sư đà công khóa tích thưởng phạt lệ*.

Ngoài ra, ông còn lệnh cho thủy quân phải mang theo đồ đo giờ để tính thời gian, địa bàn Tây Dương để đo hướng và thước để đo độ sâu của nước. Ông yêu cầu quan viên và binh lính thủy quân đều phải biết cách đo nước, cách tránh gió, có khả năng nắm địa bàn can chi được chia trên địa cầu và biết xem chỉ nam và phân biệt hướng đi.

Điều đáng chú ý là, vua Minh Mạng đã yêu cầu các đại thần học tập chiến thuật đánh thủy của Anh và Mỹ. Qua những bản báo cáo của các quan viên từ nước ngoài về, vua Minh Mạng được biết rằng, trong các nước phương Tây chỉ có nước Xích Mao (Anh) và Ma Li Căn (Mỹ) giỏi thủy chiến, tàu của họ khi thuận chiều hoặc ngược chiều gió, đều rất nhanh nhẹn. Vua Minh Mạng rất chú trọng cải tiến thuyền bọc đồng[(18)] và đẩy mạnh phát triển việc đóng thuyền bọc đồng theo kỹ thuật của phương Tây. Năm 1822, Vua cho mua một chiếc thuyền bọc đồng của Pháp[(19)] (đặt tên chiếc thuyền đó là Điện Dương), để làm mẫu cho các xưởng đóng thuyền ở Huế. Chiếc thuyền bọc đồng đầu tiên của triều Minh Mạng được đặt tên là Thụy Long. Sau khi đóng thuyền Thụy Long thành công, vua ra lệnh triển khai đóng hàng loạt thuyền bọc đồng để trang bị cho thủy quân.

**3. Tuần tra trên biển**

Vua Gia Long và vua Minh Mạng nhận thức rất rõ về vị thế của biển và mối lo ngại hải tặc tấn công, nên bố phòng cẩn mật tại bờ biển, tuần tra và kiểm soát chặt vùng biển. Tuần tra là hoạt động quan trọng trong việc bảo vệ, thực thi chủ quyền vùng biển. Vua Minh Mạng chỉ rõ cái lợi của tuần tra mặt biển là vừa để thao luyện cách lái thuyền cho quen thiện dòng nước vừa để tập đánh dưới nước, biết rõ đường biển, khiến cho bọn giặc biển nghe tin không dám gây sự. Đó là một việc mà được ba điều lợi. Một trong những cái lợi trực tiếp của việc tuần tra chính là bảo vệ an toàn việc vận chuyển sản vật và vật liệu ở các địa phương về kinh đô bằng đường biển. Thủy quân của triều đình được sử dụng tuần tra theo mùa. Hàng năm, từ tháng 2 đến tháng 7, tháng 8 dinh thủy quân sử dụng 2 đội gồm nhiều thuyền lớn chở quân theo hai hướng nam và bắc đi tuần trên các vùng biển lớn. Theo quy định của nhà Nguyễn, hàng năm các đội thủy quân của mỗi tỉnh cùng với thủy quân của triều đình đóng tại địa phương phối hợp tuần tiễu trên biển từ tháng 4 đến tháng 10. Thông thường, các tàu thuyền đi tuần tiễu được trang bị các đại bác, súng trường, hỏa pháo, pháo thăng thiên, câu liêm, kính thiên lý... để sẵn

[(18)] Nguyễn Văn Đăng (2004), "Ngành đóng thuyền ở Huế thời Nguyễn", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, tr.28.

[(19)] Thuyền dài 6 trượng 5 thước 5 tấc, rộng 1 trượng 8 thước, sâu 1 trượng 2 thước 5 tấc.

sàng đối phó với cướp biển hoặc thuyền gian trên biển. Trước mùa tuần biển quân lính được ứng trước 1 đến 4 tháng lương thực để sống trên biển dài ngày, "Bộ biền Kinh phái thì được lĩnh 3, 4 tháng lương thực. Bộ biền tỉnh phái cũng được lĩnh 1, 2 tháng lương thực, đều tùy tiện chia tải để đủ quan dùng"[20].

Việc tuần tra kiểm soát vùng biển nói chung trên cả nước được giao cho quân đội chính quy, nhưng ở các địa phương giáp biển thì được giao cho địa phương quyền chủ động. Năm 1834 vua Minh Mạng ban dụ: "Các Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát ở các địa phương ven biển, điều nên xét các đảo ở hải phận trọng hạt hiện có dân cư thì điều sức cho dân ở tỉnh ấy đem thuyền đánh cá nhanh chóng sửa chữa, cho được nhanh nhẹn. Nơi dân số nhiều thì làm 2, 3 chiếc. Mỗi chiếc có thể ngồi được trên dưới 20 người. Về phí tổn sửa chữa hết bao nhiêu, thì Nhà nước cấp tiền. Lại liệu cấp cho giáo dài, súng trường thuốc đạn, giao cho dân ấy nhận lĩnh, để dùng đi tuần thám"[21]; "những thuyền binh được phái đi cũng nên hết lòng dạy bảo nghiêm ngặt, không được nhân việc mượn cớ quấy rối thuyền buôn"[22].

Dưới triều Nguyễn, cướp biển người Hoa hoạt động nhiều trên vùng biển Việt Nam. Nạn cướp biển là mối lo ngại thường xuyên trên biển đối với thuyền buôn và cũng là thách thức đối với chính quyền. Thuyền cướp biển thường dị dạng, lẫn lộn với thuyền buôn và thuyền đánh cá. Để phân biệt thuyền cướp biển với thuyền buôn với thuyền của Nhà nước (thuyền tuần tiễu, thuyền công sai), năm 1828 triều đình quy định rằng, nếu thấy thuyền giặc thì thuyền tuần biển phải treo cờ, bắn súng để báo hiệu; nếu không có cờ, tức là thuyền của giặc, phải nhanh chóng đuổi, đánh không được lầm lỡ. Để việc theo dõi trên biển được chính xác, năm 1829 vua Minh Mạng ban chỉ dụ phân cấp kính thiên lý cho các tỉnh có vùng biển, đồn biển và thuyền tuần tiễu bởi "vùng biển mênh mông, chỉ có kính thiên lý mới có thể trông xa được"[23].

Công việc tuần tra trên biển ngày càng được tổ chức chặt chẽ. Năm 1836 vua Minh Mạng phê chuẩn thí điểm về trang bị tuần biển của các đồn, trấn thuộc bờ biển phủ Thừa Thiên. Theo đó, mỗi đồn biển được trang bị 2 chiến thuyền và 3 chiếc thuyền nhẹ chia lượt thành hai ban thay nhau đi tuần thám trên biển. Đến năm 1838, quy định về tuần biển của các đồn trấn thủ ven biển đã được vua Minh Mạng chuẩn cho thi hành trên tất cả các địa phương ven biển. Cũng trong năm này, vua còn ra lệnh cho Bộ Binh và Bộ Công cùng bàn bạc thống nhất chế tạo ra loại thuyền tuần biển phù hợp với điều kiện biển của Đại Nam. Vua Minh Mạng ban dụ: "Từ Quảng Trị trở ra Bắc, từ Quảng Nam trở vào Nam đều nhanh chóng phái 3, 4 chiếc thuyền binh theo hạt biển đi tuần xét. Một khi gặp thuyền dị dạng của nước Thanh hoặc trong thuyền hiện có súng ống, khí giới, cho đến đồ vật hàng năm bị cướp, và tình hình đáng ngờ,

---

[20] (1995), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, t.5, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.432.
[21], [22] *Sđd*, tr.426.
[23] *Sđd*, tr.425.

nguyên do phức tạp thì lập tức giải trình về trấn ấy. Một mặt tâu lên, một mặt xét rõ, xử tội nặng thêm bậc".

Tuần tra trên biển được theo chu kỳ nhất định, tùy thuộc vào thời gian có nhiều thuyền buôn và thuyền công sai đi lại nhiều hay ít. Bản dụ năm 1835 có viết: "Mỗi khi mùa hè đến kỳ vận tải... những thuyền binh hàng năm phái đi, cứ vào tháng 3 bắt đầu, tháng 7 thì thôi. Điều này ghi làm lệ"[24]. Binh thuyền phái đi cũng luân phiên thay đổi 3 tháng 1 lần bởi "phái đi lâu ngày có phần nhọc mệt, nay chuẩn cho các viên quan vệ đang tại ngũ ở nguyên mà quản suất, còn các viên quản suất dư dả cho đến quân lính, cứ 3 tháng phải chiếu sổ thay đổi để cho kẻ làm người nghỉ được đồng đều"[25]. Tuy nhiên, cũng tùy theo từng điều kiện cụ thể mà có thể tiến hành sớm hoặc muộn hơn, có khi tháng giêng, tháng hai đã phải tiến hành tuần thám. Bản dụ năm 1838 cho biết: "Trước đây trẫm đã giáng lời dụ hàng năm binh thuyền đi tuần ngoài bể cứ tháng 2 ra đi. Nay tháng giêng trời đã sáng tỏ mà đường đi thuận tiện, chính là thời kỳ thuyền buồm đi về, thời nên phái đi tuần tiễu ngay để yên vùng bể"[26]; "Đặc biệt ở nhiều vùng biển có nhiều hải tặc thì không kể mùa nào bởi trấn thủ sở tại vốn có trách nhiệm tuần phòng..."[27].

Về cách đánh và trang bị vũ khí được ghi trong lời dụ của vua Minh Mạng năm 1835: "Thuyền của giặc ấy phần nhiều là nhanh nhẹn, chạy giỏi, chiến đấu với nó, nếu là hơi xa thì phải dùng đại bác, chỉ định vào mái chèo, bánh lái của thuyền giặc mà bắn tan, gần thì dùng câu liêm giật đứt dây buộc lái, làm cho thuyền đổ nghiêng không chạy được thì tự khắc bị ta bắt được... Vậy truyền chỉ cho các địa phương ven biển miền trong, miền ngoài, phàm có thuyền binh đi tuần biển đánh giặc cũng đều theo như thế mà làm"[28].

Việc tuần tra kiểm soát trên biển được triều đình quy định rõ về số lượng thuyền, số người cho các địa phương ven biển. Đồn biển của các tỉnh phải ghi rõ trên lồng đèn thuyền Ô. Đội tuần tra của tỉnh này gặp tỉnh khác phải ký nhận rõ ràng và khi thấy thuyền giặc thì phải bắn 3 tiếng đại bác vào ban ngày, còn ban đêm thì bắn 5 chiếc pháo thăng thiên làm hiệu[29].

Quy định của triều đình về nhiệm vụ của việc tuần tra trên biển như sau: "Người đi tuần biển của các đồn biển gặp nhau thì trong giấy biên ký đều ghi rõ những chữ: ngày, tháng, giờ nào, đến đâu, nơi giáp giới hoặc cuối nơi giáp giới gặp thuyền đi tuần của đồn biển nào? Đến cuối mỗi tháng, biên đồn biển ấy đem tất cả những giấy biên từng ngày đóng thành một tập là bao nhiêu tờ, bẩm lên, do quan địa phương trình nộp. Quan địa phương sẽ xét trong tháng, trừ ngày nào đúng là có gió mưa, không thể đi được, còn những ngày nếu có đồn biển

---

[24] *Sđd*, tr.427.
[25] Trung tâm nghiên cứu Quốc học (2005), *Châu bản triều Tự Đức (1848 - 1883)*, Vũ Thanh Hằng, Trà Ngọc Anh, Tạ Quang Phát tuyển chọn và dịch, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.310.
[26] *Sđd*, tr.266.
[27] (1995), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *sđd*, t.5, tr.435.
[28] *Sđd*, tr.427.
[29], [30], [31] *Sđd*, tr.428.

nào, ngày nào không biên ký, không liên tục với nhau thì lập tức tra xét. Còn nếu cứ theo mức bình thường, liên tục không gián đoạn, thì cứ mỗi tháng 3 kỳ, tư vào bộ để lưu trữ"[30].

Việc tuần tra trên biển phải được tiến hành hàng ngày, trừ những ngày giông bão, tùy vào tình hình số lượng thuyền lưu thông trên biển mà số lượng thuyền tuần tra nhiều hay ít. Theo lời dụ của vua Minh Mạng, vào những tháng của mùa xuân đến mùa thu khi thuyền công và thuyền buôn đi lại nhiều thì tuần tra hàng ngày, còn ngoài những tháng đó ra thì giao trách nhiệm cho đồn biển ở địa phương[31].

Nhà nước đã đề ra nhiều biện pháp trong tuần tra kiểm soát vùng biển nhưng vẫn chưa triệt được nạn cướp biển. Vua Minh Mạng hạ lệnh cho Bộ Binh nghiên cứu đóng một loại thuyền có thể đi lại nhanh nhẹn trên biển. Sau đó, thể theo đề nghị của Bộ Binh, vua Minh Mạng chuẩn y cho thực hiện thêm một biện pháp nữa là *dựng cột mốc trên biển* và ghi rõ giáp giới tuần biển cùng các loại dụng cụ, vũ khí cho đội tuần tra trên biển[32].

Để cho việc tuần biển của các tỉnh nắm được thông tin của nhau, nhà vua ra lệnh: "Thuyền đi tuần của các đồn biển thì xét theo hải phận của các đồn biển mà qua lại tuần thám. Mỗi khi đi tuần phải qua chỗ cột mốc giáp nhau mới được trở về. Thuyền đi tuần của tỉnh phái, thì xét theo hải phận của tỉnh mà tuần thám. Khi đi thuyền thì phía Nam cần phải đến chỗ cây cột mốc ghi địa giới tỉnh, phía Bắc cũng cần đến chỗ cây cột mốc ghi địa giới tỉnh, tổ chức qua lại, chắp nối những quãng thuyền đi tuần của các đồn biển mà đôn đốc họ"[33]; "Thuyền đi tuần của Kinh phái, tỉnh phái, ngày nào hiện đi qua hải phận của đồn biển nào cũng đều phải lấy chữ biên ký của đồn biển ấy để phòng khi tra xét. Trừ những ngày sóng gió thuyền không thể đi được, còn các thuyền ấy đều phải đi chóng về chóng, không được tự tiện chần chừ đỗ lại ở chỗ nào. Khiến cho trên mặt biển thuyền đi tuần của Kinh phái, tỉnh phái liên tục theo nhau. Nếu gặp thuyền giặc thì lập tức đuổi bắt. Ban ngày thì bắn 3 phát đại bác, ban đêm cũng bắn 3 phát đại bác và bắn 5 chiếc pháo thăng thiên làm hiệu. Phàm xa gần nghe thấy thì lập tức khẩn cấp tiếp viện. Nếu thuyền giặc nhân gió bỏ chạy thì lấy thuyền nhanh nhẹ mà đuổi theo"[34].

Việc thưởng, phạt đối với việc tuần biển và vây bắt thuyền cướp biển được quy định như sau: "Nếu thuyền đi tuần ở hải phận đồn biển nào mà sơ suất bỏ trống thì lập tức bẩm tỉnh nghiêm hạch để trừng phạt. Thuyền đi tuần do Kinh phái thì có hai đoàn Nam và Bắc. Mỗi đoàn phái đi đến 4, 5 chiếc, chia làm hai chuyến, mỗi chuyến cách nhau 3, 5 ngày, đại khái chuyến trước đến giữa hải phận thì chuyến sau mới từ hải phận đi ra, chuyến sau đến giữa hải phận thì chuyến trước mới từ cuối hải phận trở lại. Đi qua tỉnh mà không thấy thuyền tuần tra của tỉnh thì lập tức báo cho tỉnh để tham hạch trừng phạt"[35]; "Nếu bắt được thuyền giặc hạng lớn thì định thưởng 1.000 quan tiền. Nếu bắt được thuyền giặc hạng kém thì thưởng cho

[32], [33], [34], [35] *Sđd*, tr.432.

500 quan tiền để chia đều, tỏ sự khuyến khích. Nếu là thuyền buôn chở đầy hàng hóa đi buôn bán thì không được mượn cớ quấy nhiễu, sẽ can tội nặng"[36]. Ngược lại, nếu để giặc biển liên tục quấy phá, đánh cướp thì sẽ trị tội rất nặng. Chúng ta dễ nhận thấy điều đó ở cuối mỗi chỉ dụ ban ra: "Không được xem là đã có thuyền binh mà có chút đun đẩy. Nếu một khi có giặc biển lẻn lút nổi lên thì lập tức đem bộ biền của tỉnh ấy phái đi theo mức nặng mà trị tội"[37].

Để cho việc tuần tra luôn luôn liên lạc được với nhau, Bộ Binh bàn định trách nhiệm của của các tỉnh và của Kinh đô rồi tâu lên vua như sau: "Những thuyền đi tuần ở các cửa bể có đồn canh thời theo địa phận tuần tiễu. Những thuyền đi tuần ở tỉnh phái đi thời cứ hải phận của tỉnh mình mà đi lại đốc suất. Thuyền đi tuần ở Kinh phải phân hai để luân phiên đi lại, khiến cho nơi hải phận đều liên lạc với nhau. Đến thời kỳ đi tuần ngoài bể, thời các địa phương dọc theo bờ bể phải chiếu trong hạt mình những đảo nào, bãi nào trước đây giặc người nước Thanh thường ẩn nấp, thời cho lính đi trước để đóng giữ hay là vát lấy chiếc thuyền "đại dịch" để lính chở đi, mà mang theo khí giới giả trang là thuyền buôn tùy chỗ đóng lại khiến thuyền giặc nhận nhầm là thuyền buôn mà đến ăn cướp, thời lập tức xông ra mà bắt, như thế thì giặc bể có thể yên được"[38]. Công việc tuần tra được tiến hành thường xuyên và liên tục trên biển, không câu nệ là binh thuyền triều đình hay của địa phương. Nếu dân thường, người nào khỏe mạnh, dũng cảm, bắn giỏi đều sung vào việc tuần tra[39].

**4. Phòng chống hải tặc ở vùng biển Đông Bắc**

Dưới thời vua Gia Long và vua Minh Mạng hoạt động tuần tra trên biển được chú trọng. Nhiều sự kiện được ghi trong chính sử cho thấy, hoạt động tuần tra trên biển đã phát huy có hiệu quả, phát hiện và đuổi bắt được nhiều toán cướp biển. Đặc biệt là giặc biển Tề Ngôi nước Thanh.

Năm 1803 "hơn trăm chiếc thuyền của giặc biển Tề Ngôi ra vào ở khoảng Tiên Yên và Vân Đồn, xâm bức bảo Cỗ Dũng, lại vào cả sông Bạch Đằng, cướp bóc địa phương Kinh Môn. Nguyễn Văn Thành sai Chưởng dinh Nguyễn Đình Đắc, Đô thống chế Phan Tiến Hoàng, Tán lý kiêm Binh bộ Đặng Trần Thường đem quân đánh dẹp". Quân dân địa phương Yên Quảng họp đem thổ hào ở hai tổng Hà Nam và Hà Bắc đi theo quan binh, đánh chém được 6 đầu giặc, bắt được thiếu úy giặc là tên Vân. Thổ hào ba huyện Kim Thành, Thủy Đường và Giáp Sơn thuộc Hải Dương cũng đều họp quân đón đánh, chém được 2 đầu giặc, bắt được hơn 60 người. Thuyền giặc chạy ra biển về phía đông"[40]. Những người có công đánh giặc đều được triều đình phong thưởng.

Năm 1804 thủy sư Bắc Thành đánh tan giặc biển Tề Ngôi ở hải phận Yên Quảng, bắt được quân giặc 13 người và thuyền ghe khí giới đem nộp[41].

---

[36], [37] *Sđd,* tr.432.
[38] Trung tâm nghiên cứu Quốc học (2005), *sđd*, tr.268.
[39] (1995), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *sđd*, t.5, tr.435.
[40] *Sđd*, t.1, tr.571.
[41] *Sđd*, tr.592.

Năm 1804 thuộc hiệu Yên Quảng là Đoàn Bá Giai đi tuần biển, bắt được ba tên giặc đảng Tề Ngôi và thuyền ghe khí giới. Thành thần đem việc tâu lên, thưởng cho 50 quan tiền[42].

Do Quảng Yên có đường biên giới giáp với Trung Quốc nên việc giữ gìn an ninh, phòng thủ biển ở đây trở nên hết sức quan trọng. Chính vì vậy, thời vua Gia Long và vua Minh Mạng đã có sự phối kết hợp với nhà Thanh trong việc lùng, bắt hải tặc. Năm Gia Long thứ 6 (1807), giặc biển tỉnh Mân nước Thanh là Thái Khiên và Chu Phần bị quan quân nước Thanh đuổi bắt, chạy trốn ra ngoài biển. Tổng đốc Lưỡng Quảng gửi thư cho Bắc Thành nói thuyền giặc đều mũi xanh cột buồm đỏ, nếu có chạy đến hải phận ta thì đón bắt cho. Thành thần đem việc tâu lên. Vua hạ lệnh cho các quan địa phương duyên hải từ Quảng Đức trở ra Bắc đều phát binh thuyền đi tuần xét.

Năm 1808 hơn 80 chiếc thuyền giặc Tề Ngôi bị người Thanh đuổi bắt, trốn chạy đến ngoài biển Yên Quảng. Bọn giặc xâm phạm sông Bạch Đằng, áp đánh trấn lỵ Yên Quảng. Trấn thủ Lê Văn Vịnh cùng với Nguyễn Văn Trị đánh lui được giặc, chém được hơn mười đầu giặc và bắt được già trẻ hơn sáu chục người[43]. Có thể thấy, dưới thời vua Gia long, giặc Tề Ngôi luôn luôn là mối đe dọa ở vùng biển Đông Bắc.

Đối với thuyền đánh cá, thuyền buôn vi phạm vùng biển Đông Bắc, thì triều đình ra lệnh nhất quyết phải dẹp.

Để tăng cường hơn nữa, triều đình ra lệnh cho trấn thần Yên Quảng đặt đồn, bảo để ngày đêm canh phòng[44]. Hơn nữa, để hoạt động lùng bắt hải tặc có hiệu quả hơn, những thuyền thấp bé xem ra không đủ sức chống lại thuyền giặc, nên vua Minh Mạng còn cho đóng một loại thuyền bọc đồng chuyên dụng gọi là Tuần Dương. Thuyền Tuần Dương có sàn ngồi để đánh nhau. Các tỉnh dọc theo bờ biển mỗi tỉnh 2 chiếc, tỉnh nào mặt biển rộng thì làm ba, bốn chiếc.

Những quan chức của triều đình không làm trọn nhiệm vụ gìn giữ an ninh trên biển thì đều bị phạt, giáng cấp[45].

Để tăng cường phòng thủ vùng biển Đông Bắc, triều đình không chỉ xây dựng đồn, bảo, mà còn chủ trương xây đặt thêm pháo đài. Vua Minh Mạng dụ rằng: "Miền đất duyên hải Hải Dương và Quảng Yên thuộc hạt Bắc Thành, phần nhiều là nơi đầm vực để cho giặc biển ẩn nấp, mà trong đó Đồ Sơn lại càng xung yếu, trẫm từng hạ lệnh cho thành thần chọn đất đặt đồn, đó là muốn trừ tuyệt giặc giã để dân ở yên. Rồi vì việc bắt giặc hơi thư nên lại đình chỉ, nay hai trấn ấy tăng thêm ngạch thuyền, đủ để tuần phòng, nên dụ sai thành thần phái người đi xem trên dải Đồ Sơn, chỗ nào nên đặt pháo đài thì đem binh đến đóng giữ để trấn áp bờ bể, đất Quảng Yên chỗ nào nên đặt đồn tấn giữ thì bàn tâu một thể"[46]. Có lẽ do tăng cường phòng bị mà dưới thời vua Minh Mạng đã hạn chế được nạn giặc biển.

---

[42] *Sđd*, tr.613.
[43] (1963), *Đại Nam thực lục*, t.3, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.370.
[44] (1963), *Đại Nam thực lục*, *sđd,* t.1, tr.624.
[45] (2007), *Đại Nam thực lục*, *sđd*, t.2, tr.872.
[46] *Sđd*, tr.874.